



Số:17/2018/VRC

TP.Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2018

“V/v Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
năm 2017 tăng hơn 10% so với năm 2016 và
chênh lệch sau kiểm toán BCTC Hợp nhất năm 2017 ”

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

- Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Trong năm, theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, Công ty VRC đã thực hiện tái cơ cấu tổ chức hoạt động một cách toàn diện, theo đó Công ty đã chuyển từ hoạt động xây dựng sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản và hoạt động M&A, đầu tư vào các Công ty có dự án, tài sản hoặc quỹ đất tiềm năng, hoặc có hoạt động kinh doanh và dòng tiền ổn định, góp phần gia tăng quy mô, doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc thanh lý các tài sản chưa sử dụng hiệu quả để tập trung nguồn lực vào hoạt động M&A và bất động sản. Việc chuyển đổi này đã mang lại hiệu quả cho hoạt động của công ty.

Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC (Mã CK: VRC) xin được giải trình các chênh lệch trước và sau kiểm toán chủ yếu là do việc điều chỉnh số liệu của các Công ty con.

I. Biến động Lợi nhuận sau thuế so với năm trước:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm		
		Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61	77.117.618.013	2.349.405.406	74.768.212.607

II. Chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu Công ty lập	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	40.227.635.092	114.069.702.092	73.842.067.000

Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8.379.185.555	2.379.185.555	(6.000.000.000)
Phải trả dài hạn khác	337	6.441.235.951	106.465.635.951	100.024.400.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	120.215.640.429	89.321.818.986	(30.893.821.443)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14.237.526.591	82.050.038.591	67.812.512.000
Giá vốn hàng bán	11	12.593.700.444	21.448.892.324	8.855.191.880
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	600.843.541	59.558.161.661	58.957.318.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10.335.990.115	69.983.048.381	59.647.058.266
Thu nhập khác	31	127.551.194.476	33.167.126.556	(94.384.067.920)
Lợi nhuận khác	40	123.857.663.053	29.457.527.777	94.400.135.276
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	134.193.653.168	99.440.576.158	34.753.077.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26.974.765.269	22.322.958.145	4.651.807.124
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61	107.218.887.899	77.117.618.013	30.101.269.886

Trên đây là các nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC về các chênh lệch số liệu.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Quỳnh Như